

PHÁT TRIỂN VIỆN ĐẠI HỌC ĐA LĨNH VỰC ĐỂ HỘI NHẬP THẾ GIỚI VÀ ĐÁP ỨNG NHU CẦU ĐÀO TẠO CỦA NỀN KINH TẾ TRI THỨC

■ Nguyễn Thiện Tổng *

TÓM TẮT

Nếu Việt Nam chỉ có những đổi mới manh mún và chậm chạp mà không có chủ trương và chính sách cải tổ một cách cơ bản hệ thống giáo dục đại học bằng biện pháp sáp nhập và tái cấu trúc các cơ sở giáo dục đại học thành các viện đại học đa lĩnh vực được giao quyền tự trị đại học cao thì giáo dục đại học Việt Nam tiếp tục kém hiệu quả, kém chất lượng và không đáp ứng nhu cầu nhân lực để phát triển.

Một tư tưởng đổi mới đại học ở Việt Nam đầu thập niên 1990 là chủ trương hình thành những viện đại học đa lĩnh vực theo mô hình đại học Anh Mỹ trong đó có các viện nghiên cứu. Mô hình viện đại học đa lĩnh vực lẽ ra cần được quy định rõ ràng trong Luật Giáo dục Đại học để tạo cơ sở pháp lý cho việc thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về giáo dục đại học và xóa bỏ cơ chế bộ chủ quản đối với các cơ sở giáo dục đại học.

Mô hình viện đại học đa lĩnh vực và quyền tự trị đại học chưa được coi trọng nên giáo dục đại học sẽ tiếp tục kém hiệu quả và không đáp ứng nhu cầu nhân lực của nền kinh tế tri thức.

ABSTRACT

Development of multi-disciplinary universities for global integration and in response to the high-skill labor demand of knowledge economy

If Vietnam has only piece-meal and slow changes without a clear policy for fundamental reform in higher education system with measures for merging and restructuring narrow disciplinary higher education institutions into multi-disciplinary universities with full autonomy, Vietnam higher education will continue to be inefficient and can not response to the high-skill labor demand for development.

A higher education reform in early 1990s is for the establishment of multi-disciplinary universities following the university model of England and America which includes research institutes. Multi-disciplinary university model should be clearly defined in Higher Education Law 2012 to create a legal framework for a unified management of higher education system and to abolish the old system of various ministerial management of different higher education institutions and research institutes.

Multi-disciplinary university model and university autonomy have not been considered as important issues so that higher education will continue be inefficient and can not response to the high-skill labor demand of knowledge economy.

* PGS.TS, Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Cửu Long

1. Giới thiệu

Kinh nghiệm trên thế giới, nhất là ở các nước châu Á phát triển nhanh cho thấy rằng giáo dục đại học có vai trò cực kỳ quan trọng trong tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội thời đại hậu công nghiệp. Nhu cầu cải tổ giáo dục đại học Việt Nam để đáp ứng những thay đổi về kinh tế xã hội là quá rõ ràng. Giáo dục đại học Việt Nam đã không đổi mới nhanh chóng để đáp ứng và hỗ trợ kịp thời cho giai đoạn phát triển nhanh về kinh tế xã hội vừa qua. Một trong những vấn đề nan giải của giáo dục đại học nước ta đó là sự yếu kém về số lượng và sự giảm sút trầm trọng về chất lượng trong hơn hai thập kỷ vừa qua.

Một tư tưởng đổi mới đại học ở nước ta đầu thập niên 1990 là chủ trương hình thành những đại học đa lĩnh vực theo mô hình đại học Anh Mỹ. Đối với đa số những nhà quản lý đại học Việt Nam thì đại học đa lĩnh vực là kiểu mới, liên kết các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, khoa học xã hội. Tuy nhiên quá trình cải tổ tổ chức quản lý này đã rất chậm và nay vẫn chưa hoàn tất, thậm chí còn bị đảo ngược. “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020” chưa đưa ra biện pháp giải quyết được mâu thuẫn giữa phát triển số lượng với nâng cao chất lượng giáo dục đại học, chưa có giải pháp triệt để cho những vấn đề cốt lõi về tổ chức và quản trị giáo dục đại học. Việt Nam vừa có Luật Giáo dục Đại học nhưng mô hình viện đại học đa lĩnh vực và quyền tự trị đại học chưa được coi trọng nên giáo dục đại học sẽ tiếp tục kém hiệu quả và không đáp ứng nhu cầu nhân lực của phát triển.

2. Những tồn tại của giáo dục đại học Việt Nam

Nhiều vấn đề xuất hiện và tồn tại trong giáo dục đại học Việt Nam: đó là vấn đề kém hiệu quả và chất lượng thấp, phương tiện thiếu thốn mà lại kém dụng, mất cân đối giữa các ngành nghề đào tạo rất hẹp và cứng nhắc với nhu cầu

ngành nghề sử dụng linh động của nền kinh tế thị trường liên tục biến đổi¹. Vấn đề kém dụng và thất nghiệp trí thức lại càng trầm trọng ở Việt Nam khi cơ cấu tổ chức giáo dục đại học và chương trình đào tạo lạc hậu không phù hợp cho tình trạng đổi mới kinh tế và xã hội. Nền kinh tế kế hoạch tập trung quan liêu bao cấp đã chuyển hầu hết sang nền kinh tế thị trường mà nền giáo dục lại đáp ứng rất chậm cho sự thay đổi này. Tình hình này cũng tương tự ở Trung Quốc trong thập niên 1990, cho nên đối với những nhà cải cách Trung Quốc lúc đó thì khu vực giáo dục đại học là thành trì cuối cùng của nền kinh tế kế hoạch².

Bằng chứng là sự cách biệt giữa khả năng chuyên môn và ngành nghề của những người tốt nghiệp đại học với nhu cầu kỹ năng mới của thị trường³. Phần lớn chương trình đào tạo, nội dung và phương pháp giảng dạy còn theo quán tính của thời kỳ kế hoạch tập trung quan liêu trong khi nền kinh tế thị trường càng ngày càng đòi hỏi ở những người tốt nghiệp đại học những khả năng chuyên môn khác xa với những gì được đào tạo ở trường đại học⁴.

2.1. Nhược điểm về sự phân tán cơ sở giáo dục đại học theo nhiều chuyên ngành quá hẹp

Một nhược điểm lớn về tổ chức quản lý của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam là sự phân tán của quá nhiều trường đại học và học viện theo nhiều chuyên ngành riêng rẽ với các chương trình đào tạo quá hẹp theo mô hình của Liên Xô cũ. Chính việc tổ chức quản lý các trường đại học chuyên ngành có mục tiêu đào tạo nặng về kiến thức cụ thể theo những tiểu chuyên ngành rất hẹp mà người sinh viên không được trang bị một nền tảng vững chắc về giáo dục tổng quát cần thiết cho việc tự học tập suốt đời và khả năng đáp ứng cao với môi trường làm việc thay đổi không ngừng trong tương lai. Tình hình này cũng tương tự như ở Trung Quốc trong thập niên

¹ World Bank, “Policy Options for Higher Education Reform”, Workshop in Hanoi, August 1993.

² Zhao Litao and Zhu Jinjing, “China’s Higher Education Reform: What has not been Changed?”, East Asian Institute, National University of Singapore, 2010.

³ The World Bank, “Vietnam: Transition to the Market”, Economic Report 1993, pp. 187-198.

⁴ Tran Thi Tuyet, “Limitation on the development of skills in higher education in Vietnam”, © Springer Science+Business Media B.V. 2013.

1980 và 1990, khi đó các đại học Trung Quốc bị phê phán là quá chuyên sâu và quản trị phân tán, hoạt động trùng lặp, qui mô nhỏ, hiệu quả thấp và chất lượng thấp.

“Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020” (được Thủ tướng phê duyệt ngày 13 tháng 6 năm 2012) cũng nêu mục tiêu mới về chất lượng đào tạo: “Sinh viên sau khi tốt nghiệp có kiến thức hiện đại, kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững chắc, có khả năng lao động sáng tạo, có tư duy độc lập, phê phán và năng lực giải quyết vấn đề, có khả năng thích ứng cao với những biến động của thị trường lao động, có khả năng sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu và làm việc sau khi tốt nghiệp...”. Tuy nhiên để đáp ứng những mục tiêu đào tạo đổi mới đó, giáo dục đại học Việt Nam phải được cải tổ một cách cơ bản và sâu rộng, từ cải tổ chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, đổi mới đầu tư cơ sở vật chất, và nhất là phải cải tổ hệ thống tổ chức quản lý.

2.2. Mô hình viện đại học đa lĩnh vực chưa được coi trọng

Giáo dục đại học trên thế giới đã trải qua một quá trình phân hóa hàng dọc để đáp ứng các nhu cầu khác nhau về các loại kỹ năng của thị trường lao động bằng cách xây dựng những chương trình đào tạo với thời gian, cường độ và mục tiêu khác nhau để tiếp nhận những đối tượng sinh viên có những loại năng lực rất khác nhau.

Ở phần đỉnh kim tự tháp giáo dục đại học là các viện đại học đa lĩnh vực loại nghiên cứu và tinh hoa với sứ mạng dẫn đầu hoạt động nghiên cứu ở mọi lĩnh vực và đào tạo tài năng chất lượng cao từ bậc đại học đến tiến sĩ. Ở vị trí trung tâm của kim tự tháp giáo dục đại học là các viện đại học đa lĩnh vực loại giảng dạy đại chúng với nhiệm vụ tập trung vào việc đào tạo và cung cấp cho xã hội những người có trình độ đại học với số lượng lớn và với kỹ năng đáp ứng nhu cầu của khu vực và địa phương. Các viện đại học loại giảng dạy này được phân bố

theo điều kiện địa lý và dân số để phần lớn sinh viên có thể theo học mà không phải đi xa nhà. Ở phần dưới của kim tự tháp giáo dục đại học là các trường cao đẳng cộng đồng, các trường cao đẳng chuyên ngành và các trường dạy nghề hậu trung học. Các trường cao đẳng cộng đồng có mục đích đào tạo đại chúng tương tự các viện đại học giảng dạy khu vực và địa phương nhưng với trình độ tương đối thấp hơn và chuẩn bị cho sinh viên liên thông lên đại học. Các trường cao đẳng chuyên ngành chú trọng đào tạo kỹ năng thực hành cần thiết cho những công việc cụ thể trong các lĩnh vực sửa chữa cơ khí, xây dựng, sửa chữa điện và điện tử, tin học, chế tạo cơ khí, kế toán, điều dưỡng, dịch vụ...

“Đề án cải cách giáo dục Việt Nam” của Nhóm nghiên cứu giáo dục Việt Nam⁵ cũng phân tích vai trò quan trọng của đại học tinh hoa kết hợp nghiên cứu và giảng dạy (không nhằm vào số đông), và nhu cầu phục vụ nền kinh tế của đại học phổ cập cho số đông (hay đại học đại chúng).

Điều 9 của Luật Giáo dục Đại học 2012 có nêu: “Cơ sở giáo dục đại học được phân tầng thành: a) Cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; b) Cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng; Cơ sở giáo dục đại học định hướng thực hành. Chính phủ quy định tiêu chuẩn phân tầng cơ sở giáo dục đại học...” Tuy nhiên các tiêu chí và tiêu chuẩn để phân tầng và xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học vừa được Bộ Giáo dục và Đào tạo dự thảo còn quá xa rời thực tế và không khả thi.

Hiện nay Việt Nam hầu như không có các viện đại học đa lĩnh vực loại nghiên cứu và tinh hoa trong đó bao gồm các viện nghiên cứu và phần lớn sinh viên là trên đại học. Mặt khác Việt Nam cũng rất thiếu các trường cao đẳng cộng đồng và cao đẳng chuyên ngành ở các tỉnh thành để đáp ứng nhu cầu gia tăng sinh viên đại chúng mà không làm giảm chất lượng của các viện đại học tinh hoa⁶.

Việt Nam cũng thiếu các các viện đại học

⁵ Nhóm nghiên cứu giáo dục Việt Nam, “Đề án cải cách giáo dục Việt Nam”, *Thời Đại Mới*, số 13/2008.

⁶ Nguyễn Thiện Tống, “Cải tổ cơ cấu tổ chức quản lý của hệ thống giáo dục đại học để thúc đẩy cạnh tranh về chất lượng”, *Tập tuyển công trình Hội thảo về biện pháp để nâng cao chất lượng giáo dục đại học*, TP.HCM, 11/2004, tr. 175-184.

đa lĩnh vực loại giảng dạy đại chúng mà chỉ có phần lớn là các trường đại học chuyên ngành riêng lẻ như sư phạm, y dược, khoa học, nông lâm, kỹ thuật, kinh tế, kiến trúc... Đây là các trường đại học mà giảng dạy là chủ yếu nhưng có mục tiêu đào tạo những nhà chuyên môn theo những chương trình đào tạo tương đối hẹp và có ít phần giáo dục tổng quát hơn khi so với các viện đại học đa lĩnh vực.

Cấu trúc hệ thống giáo dục đại học Việt Nam không được cải tổ như ở Trung Quốc. Trong thập niên 1990, Chính phủ Trung Quốc bắt đầu một loạt nỗ lực để tái cấu trúc hệ thống giáo dục đại học quốc gia. Tái cấu trúc hệ thống giáo dục đại học trở thành một chiến lược quan trọng trong cải tổ hành chính năm 1998 của Trung Quốc. Số cơ sở giáo dục đại học cũ được sáp nhập với nhau và tái cấu trúc được tăng tốc từ 16 năm 1997 đến 177 năm 1998, 226 năm 1999 và 509 năm 2000⁷. Trung Quốc có kế hoạch xây dựng những viện đại học đẳng cấp thế giới bằng biện pháp cải tổ hành chính để sáp nhập các cơ sở giáo dục đại học cũ với nhau và kết hợp với chính sách cấp ngân sách hào phóng cho những viện đại học mới có chất lượng ở tốp trên. Năm 1998 Viện Đại học Bắc Kinh và Viện Đại học Thanh Hoa được chọn làm hai viện đại học hàng đầu. Năm 1999 có thêm 7 viện đại học hàng đầu nữa. Năm 2001 và trong vài năm sau đó có thêm 30 viện đại học nữa thuộc tốp thứ hai. Đến 2004 có 420 đại học mới được tái cấu trúc bằng cách sáp nhập từ trên 1000 cơ sở giáo dục đại học cũ⁸. Trung bình có 2 đến 3 cơ sở giáo dục đại học cũ được sáp nhập để thành lập một đại học mới, có trường hợp một đại học mới được thành lập từ 7 cơ sở giáo dục đại học cũ.

Hệ thống giáo dục đại học Việt Nam đã chậm cải tổ, và hầu như không có nỗ lực sáp nhập và tái cấu trúc như Trung Quốc.

Mô hình viện đại học đa lĩnh vực lẻ ra cần được quy định rõ ràng trong Luật Giáo dục Đại

học để tạo cơ sở pháp lý cho việc thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về giáo dục đại học và xóa bỏ cơ chế bộ chủ quản đối với các cơ sở giáo dục đại học. Khi đó các loại trường đại học chuyên ngành như xây dựng, kiến trúc, nha y dược, luật, ngân hàng, bưu chính viễn thông... mới được sáp nhập với nhau để trở thành các trường thành viên, các khoa của các viện đại học đa lĩnh vực và không còn trực thuộc bộ chủ quản nào nữa mà chỉ chịu trách nhiệm trước công chúng, trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đại học.

2.3. Phân tầng và xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học

“Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020” cũng đưa ra giải pháp về việc tổ chức kiểm định chất lượng và tổ chức xếp hạng các cơ sở giáo dục đào tạo. Tuy nhiên các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam rất khác biệt nhau về mặt tổ chức chuyên môn nên không thể nào so sánh và xếp hạng chung các cơ sở đó được. Chẳng hạn không thể so sánh và xếp hạng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, cùng Đại học Huế hay Đại học Quốc Gia TP.HCM được vì chúng không cùng loại⁹.

Trong khi Đại học Huế có hầu hết các lĩnh vực như sư phạm, kinh tế, nông nghiệp, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, nhân văn và nghệ thuật... của một viện đại học đa lĩnh vực thì Trường Đại học Bách khoa Hà Nội về chuyên môn chỉ tương đương lĩnh vực kỹ thuật của một khoa (Faculty) trong viện đại học đa lĩnh vực, còn Trường Đại học Xây dựng Hà Nội về chuyên môn chỉ tương đương một ngành hay một phân khoa (Department) như các ngành cơ khí, kỹ thuật điện điện tử, kỹ thuật hóa học, kỹ thuật máy tính, kỹ thuật hàng không... của lĩnh vực kỹ thuật (Engineering) trong một viện đại học đa lĩnh vực.

Hệ thống giáo dục đại học Việt Nam rất phức

⁷ Zhao Litao and Zhu Jinjing, “China’s Higher Education Reform: What has not been Changed?”, East Asian Institute, National University of Singapore, 2010.

⁸ Dong Li, “Exploring the integration of merged Chinese higher education institutions in management and leadership dimension”, 31st Annual EAIR Forum in Vilnius, Lithuania, 23-26 August 2009.

⁹ Nguyễn Thiện Tổng, “Góp ý Dự thảo Chiến lược Giáo dục 2009-2020”, TP.HCM, 18/12/2009.

tạp, gồm đủ các loại trường mà theo GS Hoàng Tụy “*Chỉ nhìn qua hệ thống đại học Việt Nam hiện nay cũng đã thấy cảnh tượng lộn xộn, rất khác mọi nơi trên thế giới: trường nào, kiểu gì, cũng gọi là đại học, trong một đại học lại có thể có nhiều đại học thành viên, dịch ra tiếng Anh tất cả đều là university, không phân biệt university với school, ai muốn hiểu ra sao thì hiểu. Đành rằng đây chỉ là vấn đề tên gọi, nhưng nó cũng phản ánh một nét riêng “không giống ai” của đại học VN.*”¹⁰

Hầu hết các trường đại học các nước trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới là loại viện đại học đa lĩnh vực, trong khi đó phần lớn các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam là loại trường chuyên ngành hẹp. Vì thế Luật Giáo dục Đại học lẽ ra cần có những quy định để thúc đẩy việc sáp nhập các trường chuyên ngành và tái cấu trúc theo mô hình viện đại học đa lĩnh vực để phù hợp với việc hội nhập và hợp tác quốc tế. Chỉ có “Viện” Đại học Quốc gia mới được xác định là “đa ngành, đa lĩnh vực” trong Luật Giáo dục Đại học (Điều 8) và đó là lần duy nhất từ “đa lĩnh vực” xuất hiện.

2.4. Quá trình cải tổ tổ chức quản lý bị đảo ngược và chưa hoàn tất

Một tư tưởng đổi mới đại học ở Việt Nam đầu thập niên 1990 là chủ trương hình thành những viện đại học đa lĩnh vực theo mô hình đại học Anh Mỹ trong đó có các viện nghiên cứu. Ngày 11-9-1992, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã có quyết định số 324/CT về “Tổ chức lại mạng lưới các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ” trên nguyên tắc: “Gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo; coi các trường đại học và các cơ quan khoa học và công nghệ là một thể thống nhất”. Tuy nhiên vào lúc đó quá trình sắp xếp tổ chức lại các trường đại học và các viện nghiên cứu trực thuộc nhiều bộ chủ quản khác nhau đã bị các viện nghiên cứu phản đối quyết liệt.

Trong Đề án “Quy hoạch hệ thống mạng lưới các trường đại học và cao đẳng Việt Nam giai đoạn đến năm 2020” của Bộ Giáo dục và Đào tạo soạn thảo vào tháng 8/1999 có phương án chuyển 39 viện nghiên cứu cơ bản về các trường đại học và phương án tổ chức lại hai Đại học Quốc gia.

Những người có tư tưởng đổi mới đại học Việt Nam lúc đó chủ trương hình thành những “viện” đại học đa lĩnh vực trong đó có sự liên kết giữa khoa học cơ bản và khoa học công nghệ, giữa khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn, và các “viện” đại học đa lĩnh vực được hình thành trên nguyên tắc không thể thiếu một trong hai trường Tổng hợp và Sư phạm¹¹.

“Viện” Đại học Quốc gia Hà Nội được thành lập ngày 10/12/1993 trên cơ sở 3 trường đại học: Tổng hợp, Sư phạm và Ngoại ngữ. “Viện” Đại học Quốc gia TP.HCM được thành lập ngày 27-01-1995 trên cơ sở các trường đại học: Tổng hợp, Sư phạm, Kinh tế - Tài chính, Bách khoa, Nông Lâm, Sư phạm Kỹ thuật, Kiến trúc, Luật. “Viện” Đại học đa lĩnh vực cũng được thành lập ở Huế, Đà Nẵng, Thái Nguyên. Đến lúc này Trường Đại học Cần Thơ cũng được duy trì cấu trúc của Viện Đại học Cần Thơ như trước năm 1975, bao gồm cả khoa Y Nha Dược.

Việc sáp nhập các trường đại học để thành lập “Viện” Đại học Quốc gia ở Hà Nội và ở TP.HCM hay “Viện” Đại học Vùng như ở Huế, Đà Nẵng, Thái Nguyên cho thấy một nỗ lực cải tổ về tổ chức quản lý với mục đích giải quyết tình trạng phân tán trùng lặp của các trường đại học nhỏ chuyên môn riêng biệt và kém hiệu quả. Tuy nhiên khi so sánh các “Viện” Đại học đa lĩnh vực ở Hà Nội, TP.HCM, Huế, Đà Nẵng, Thái Nguyên, Cần Thơ, Tây Nguyên và các Trường Đại học riêng lẻ ở ngoài các “Viện” Đại học thì chúng cho thấy tình trạng thiếu sự nhất quán về tổ chức quản lý các “Viện” Đại học và Trường Đại học. “Trường” Đại học Cần Thơ và “trường” Đại học Tây Nguyên có cấu trúc khá đầy đủ của Viện Đại

¹⁰ Hoàng Tụy, “Đề cương cải cách giáo dục”, 2012, <http://giaoduc.net.vn/Giao-duc-24h/Chuyen-gia-giao-duc/Toan-van-De-cuong-cai-cach-giao-duc-Hoang-Tuy/294250.gd>

¹¹ Trích bài phát biểu của GS Vũ Văn Tào, “Đại học đa lĩnh vực, Đặc trưng và Sứ mạng”, trong *Hội thảo Tổ chức và Đào tạo Đại học Đa lĩnh vực tại Việt Nam*, TP.HCM, tháng 6/1996.

học đa lĩnh vực nhưng lại bị xếp loại như trường đại học chuyên ngành. Ở Huế thì trường Đại học Y Dược ở trong “Viện” Đại học đa lĩnh vực, còn ở Hà Nội và TP.HCM thì trường Đại học Y Dược lại ở ngoài “Viện” Đại học Quốc gia”. Ở Hà Nội còn có quá nhiều trường đại học chuyên ngành riêng lẻ tồn tại ngoài “Viện” Đại học Quốc gia Hà Nội”. Ngoại trừ Bộ Quốc phòng và Bộ Công an cần thiết có trường đào tạo sĩ quan và chuyên môn riêng, việc trường Đại học Luật trực thuộc Bộ Tư pháp, trường Đại học Y Dược trực thuộc Bộ Y tế, Học viện Hàng không trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải, và các trường Đại học Hàng hải, trường Hành chính Trung ương... không nằm trong hệ thống quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo là không hợp lý.

Tuy nhiên sau khi các đại học được thu học phí và gia tăng ào ạt về số lượng sinh viên trong ba năm học từ 1995 đến 1998, “Viện” Đại học Quốc gia Hà Nội có tới 60.000 sinh viên và “Viện” Đại học Quốc gia TP.HCM trở nên khổng lồ với 150.000 sinh viên trong khi bộ máy quản lý mô hình “viện đại học” chưa được ổn định. Một cuộc vận động ly khai đã thành công trong việc tách trường Đại học Sư phạm Hà Nội ra khỏi “Viện” Đại học Quốc gia Hà Nội năm 1999 và tách các trường Đại học Sư phạm TP.HCM, Đại học Kinh tế, Đại học Nông lâm, Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Kiến trúc, Đại học Luật... ra khỏi “Viện” Đại học Quốc gia TP.HCM vào năm 2000.

Quá trình cải tổ tổ chức quản lý này còn tiếp tục bị đảo ngược. Trường Đại học Y khoa Huế được tách ra từ Viện Đại học Huế năm 1976, rồi được sáp nhập trực thuộc trở lại “Viện” Đại học Huế năm 1994 theo tư tưởng đổi mới giáo dục đại học đầu thập niên 1990 nói trên. Tuy nhiên Khoa Nha Y Dược được tách ra khỏi “Viện” Đại học Cần Thơ để thành lập Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2002, trực thuộc Bộ Y tế.

3. Xu hướng phát triển theo mô hình viện đại học đa lĩnh vực

Sau khi bị các trường Đại học Sư phạm TP.HCM, Đại học Kinh tế, Đại học Nông lâm, Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Kiến trúc, Đại học Luật... ly khai năm 2000, “Viện” Đại học Quốc gia TP.HCM trong những năm gần đây mới dần dần mở thêm các Khoa Kinh tế, Khoa Luật, Khoa Y... để có thể trở thành “viện” đại học đa lĩnh vực thực sự.

Hiện nay “Viện” Đại học Quốc gia TP.HCM gồm có trường Đại học Bách khoa, trường Đại học Khoa học Tự nhiên, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Công nghệ Thông tin, trường Đại học Kinh tế - Luật, trường Đại học Quốc tế, Khoa Y và Viện Môi trường và Tài nguyên.

“Viện” Đại học Quốc gia Hà Nội hiện nay gồm có trường Đại học Khoa học Tự nhiên, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Ngoại ngữ, trường Đại học Công nghệ, trường Đại học Kinh tế, trường Đại học Giáo dục, trường Đại học Việt Nhật, Khoa Luật, Khoa Quản trị Kinh doanh, Khoa Y Dược, Khoa Quốc tế, Khoa Sau đại học.

Với sự cải tổ này, các Viện Đại học đa lĩnh vực sẽ mang lại hiệu quả kinh tế về qui mô và về lĩnh vực (economy of scale and economy of scope), giúp phát triển vùng giao giữa các lĩnh vực (như giữa y và kỹ thuật, giữa luật và kinh tế, giữa kinh tế và kỹ thuật...) và tổ chức đào tạo các bằng đôi (double degree) giữa các lĩnh vực đó.

Trong những năm gần đây, Đại học Quốc gia Hà Nội đã bắt đầu tổ chức đào tạo ngành kép và bằng đôi giữa các ngành đào tạo của các đơn vị trong Đại học Quốc gia Hà Nội¹².

Sinh viên các ngành Khí tượng học, Thủy văn học, Hải dương học trường Đại học Khoa học Tự nhiên có cơ hội học thêm ngành thứ 2 là Công nghệ thông tin của trường Đại học Công nghệ. Sinh viên các ngành Vật lý, Khoa học vật liệu, Công nghệ hạt nhân của trường Đại học Khoa học Tự nhiên có cơ hội học thêm ngành thứ hai là Công nghệ điện tử - viễn thông của

¹²<http://www.vnu.edu.vn/ttsk/?C2107/N12037/Ngay-8-12-2011-to-chuc-Hoi-nghi-tong-ket-cong-tac-dao-tao-bang-kep-tai-dHQGHN.htm>.

trường Đại học Công nghệ. Sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ có cơ hội học thêm các ngành thứ hai như Kinh tế đối ngoại, Tài chính - Ngân hàng, Quản trị kinh doanh của trường Đại học Kinh tế hoặc ngành Du lịch học của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, hoặc ngành Luật học của khoa Luật...

Khi sinh viên trúng tuyển vào trường Đại học Kinh tế sẽ có thêm cơ hội học thêm một bằng đại học chính quy thứ 2 các ngành: Tiếng Anh (phiên dịch) của trường Đại học Ngoại ngữ, Luật Kinh doanh của khoa Luật. Riêng sinh viên ngành Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế chính trị) và ngành Kinh tế Phát triển được học thêm ngành Tài chính - Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế.

Chương trình đào tạo bằng đôi của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn liên kết giữa các ngành đào tạo của trường (như Văn học - Báo chí, Du lịch - Khoa học quản lí...) hoặc giữa các ngành của trường với đơn vị khác trong Đại học Quốc gia Hà Nội (như Du lịch - Ngoại ngữ, Quốc tế học - Ngoại ngữ...)

Nhiều trường đại học sư phạm hay chuyên ngành cũ ở các tỉnh nay đã đổi tên bằng cách cắt bỏ chữ sư phạm hay chữ chuyên ngành để phát triển các lĩnh vực khác theo mô hình viện đại học đa lĩnh vực, chẳng hạn như trường Đại học An Giang, trường Đại học Vinh, trường Đại học Quy Nhơn, trường Đại học Nha Trang.

Các trường đại học ngoài công lập cũng phát triển dần theo xu hướng đa lĩnh vực này, như trường Đại học Văn Hiến, trường Đại học Văn Lang, trường Đại học Cửu Long...

4. Tự trị đại học

Kinh nghiệm và xu hướng ở các nước Châu Á và Châu Phi cho thấy vai trò chính quyền đối với giáo dục đại học bắt đầu thay đổi trong thập niên 1970 bằng việc tăng cường luật lệ, chính sách và kế hoạch, rồi tiến đến nói lỏng kiểm soát hành chính trong thập niên 1980 để khuyến khích quyền chủ động của các viện đại học đa lĩnh vực theo tinh thần tự trị đại học của Anh

Mỹ.

Trong những thập niên vừa qua, các tổ chức giáo dục đại học trên thế giới chịu nhiều áp lực phải cải tổ, mà cao điểm là khuynh hướng phát triển tự trị đại học¹³.

Tự trị đại học là quyền hạn của viện đại học trong việc quyết định sứ mạng và chương trình hoạt động của mình và quyền hạn trong việc quyết định phương tiện và cách thức thực hiện sứ mạng và chương trình hoạt động đó. Những quyền hạn này được căn cứ trên sự công nhận rằng với số nhân sự chuyên gia có uy tín trong nhiều lĩnh vực mà viện đại học đa lĩnh vực có được thì chính viện đại học có năng lực nhất trong việc quyết định làm điều gì và làm như thế nào. Nói một cách ngắn gọn thì tự trị đại học toàn diện là sự tự quản trị lấy những nhiệm vụ được giao phó cho viện đại học về các phương diện đào tạo, nghiên cứu, tài chính, hành chính, đối ngoại, tổ chức nhân sự, và chịu trách nhiệm trước công chúng, trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý nhà nước về việc tổ chức những chương trình hoạt động để thực hiện những nhiệm vụ đó.

Như thế khi các trường đại học chuyên ngành của Việt Nam sáp nhập với nhau để tổ chức thành viện đại học đa lĩnh vực bao gồm những lĩnh vực tri thức như khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục và sư phạm, kỹ thuật và công nghệ, luật, kinh tế, y tế, nông lâm, kiến trúc... thì cơ cấu tổ chức quản lý của viện đại học tự trị mới có thể áp dụng được. Các trường đại học chuyên ngành dù công lập hay ngoài công lập mà còn tồn tại riêng lẻ thì không đủ năng lực để được giao quyền tự trị đại học toàn diện.

Ở phần lớn các nước trên thế giới, một đạo luật quốc hội định chế hóa sự thành lập viện đại học và quyền tự trị đại học được ủy thác cho hội đồng quản trị viện đại học. Đạo luật quốc hội xác định tổ chức, quyền hạn và nhiệm vụ của hội đồng quản trị viện đại học, hội đồng giáo sư, và các chức vụ quan trọng như viện trưởng, phó viện trưởng. Hội đồng quản trị viện đại học là cơ

¹³Don Anderson and Richard Johnson, University Autonomy in Twenty Countries, Center for Continuing Education, The Australian National University, 1998.

quan quyền lực cao nhất của viện đại học, được đạo luật quốc hội giao cho quyền quyết định các luật lệ nội bộ và các vấn đề như xây dựng chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, cấp phát văn bằng của viện đại học... Hội đồng quản trị viện đại học thường gồm một số thành viên do quốc hội, do hội đồng tỉnh thành liên quan chỉ định, và một số thành viên do tập thể giáo sư, giảng viên, tập thể sinh viên, cựu sinh viên bầu cử, với thời gian nhiệm kỳ khác nhau giữa các loại thành viên.

Việt Nam vừa có Luật Giáo dục Đại học 2012 nhưng quyền tự trị đại học chưa được xác định, nên việc quản lý điều hành các viện đại học đa lĩnh vực sẽ còn gặp nhiều khó khăn.

Trong Luật Giáo dục Đại học 2012 có Điều 32 về “Quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học” như sau:

1. Cơ sở giáo dục đại học tự chủ trong các hoạt động chủ yếu thuộc các lĩnh vực tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ ở mức độ cao hơn phù hợp với năng lực, kết quả xếp hạng và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Cơ sở giáo dục đại học không còn đủ năng lực thực hiện quyền tự chủ hoặc vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện quyền tự chủ, tùy thuộc mức độ, bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Với cách tổ chức hệ thống giáo dục đại học theo các chuyên ngành riêng lẻ như hiện nay thì các cơ sở giáo dục đại học đó không thể nào có được số nhân sự chuyên gia có uy tín trong nhiều lĩnh vực như ở viện đại học đa lĩnh vực cho nên các cơ sở giáo dục chuyên ngành không đủ năng lực để được giao quyền tự trị đại học toàn diện.

Điều 8 Luật Giáo dục Đại học 2012 xác định mô hình “đa lĩnh vực” và “quyền chủ động cao” của hai “viện” đại học quốc gia như sau:

1. Đại học quốc gia là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao, được Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển.

2. Đại học Quốc gia có quyền chủ động cao trong các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính, quan hệ quốc tế và tổ chức bộ máy. Đại học quốc gia chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của các bộ, ngành khác và Ủy ban nhân dân các cấp nơi đại học quốc gia đặt địa điểm, trong phạm vi chức năng theo quy định của Chính phủ và phù hợp với pháp luật.

Thật ra “quyền chủ động cao” của “Viện” Đại học Quốc gia không phải là “quyền tự trị đại học toàn diện” như ở các viện đại học của các nước trong khu vực và trên thế giới.

Điều 16, 17, 18 Luật Giáo dục Đại học 2012 quy định về tổ chức, quyền hạn của ba loại hội đồng quyền lực của ba loại cơ sở giáo dục đại học. Đó là a) Hội đồng đại học cho các “viện” đại học; b) Hội đồng trường cho các trường cao đẳng, trường đại học công lập; c) Hội đồng quản trị cho các trường cao đẳng, trường đại học tư thục.

Với những quy định ở các Điều 16, 17, 18 nêu trên thì các hội đồng này không có đủ thẩm quyền trong việc quản trị đại học.

Mặc dầu Luật Giáo dục Đại học 2012 có nhiều điểm tiến bộ so với Luật Giáo dục 2005, nhưng mô hình viện đại học đa lĩnh vực và quyền tự trị đại học chưa được coi trọng nên giáo dục đại học sẽ tiếp tục kém hiệu quả và không đáp ứng nhu cầu nhân lực của phát triển.

5. Kết luận

Việt Nam vừa có Luật Giáo dục Đại học nhưng mô hình viện đại học đa lĩnh vực và quyền tự trị đại học chưa được coi trọng nên giáo dục đại học sẽ tiếp tục kém hiệu quả và không đáp ứng nhu cầu nhân lực của phát triển. Mô hình viện đại học đa lĩnh vực lẻ ra cần được quy định rõ ràng trong Luật Giáo dục Đại học để tạo cơ sở pháp lý cho việc thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về giáo dục đại học và xóa bỏ cơ chế bộ chủ quản đối với các cơ sở giáo dục đại học.

Hiện nay “Viện” Đại học Quốc gia Hà Nội và “Viện” Đại học Quốc gia TP.HCM đã phát triển nhiều trường và khoa mới, về các lĩnh vực

như Kinh tế, Luật, Y Dược, Giáo dục... để có thể trở thành “viện” đại học đa lĩnh vực thực sự

Với sự cải tổ này, các Viện Đại học đa lĩnh vực sẽ mang lại hiệu quả kinh tế về qui mô và về lĩnh vực (economy of scale and economy of scope), giúp phát triển vùng giao giữa các lĩnh

vực (như giữa y và kỹ thuật, giữa luật và kinh tế, giữa kinh tế và kỹ thuật...) và tổ chức đào tạo các bằng đôi (double degree) giữa các lĩnh vực đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Don Anderson and Richard Johnson, *University Autonomy in Twenty Countries*, Center for Continuing Education, The Australian National University, 1998.
2. Dong Li, “Exploring the integration of merged Chinese higher education institutions in management and leadership dimension”, 31st Annual EAIR Forum in Vilnius, Lithuania, 23-26 August 2009.
3. Nhóm nghiên cứu giáo dục Việt Nam, “Đề án cải cách giáo dục Việt Nam”, *Thời Đại Mới*, số 13/2008.
4. The World Bank, “Vietnam: Transition to the Market”, *Economic Report 1993*, pp. 187-198.
5. Tran Thi Tuyet, “Limitation on the development of skills in higher education in Vietnam”, © Springer Science+Business Media B.V. 2013.
6. World Bank, “Policy Options for Higher Education Reform”, Workshop in Hanoi, August 1993.
7. Zhao Litao and Zhu Jinjing, “China’s Higher Education Reform: What has not been Changed?”, East Asian Institute, National University of Singapore, 2010.
8. Hoàng Tụy, “Đề cương cải cách giáo dục”, 2012, <http://giaoduc.net.vn/Giao-duc-24h/Chuyen-gia-giao-duc/Toan-van-De-cuong-cai-cach-giao-duc-Hoang-Tuy/294250.gd>
9. Vũ Văn Tào, “Đại học đa lĩnh vực, Đặc trưng và Sứ mạng”, trong *Hội thảo Tổ chức và Đào tạo Đại học Đa lĩnh vực tại Việt Nam*, TP.HCM, tháng 6/1996.
10. Nguyễn Thiện Tổng, “Cải tổ cơ cấu tổ chức quản lý của hệ thống giáo dục đại học để thúc đẩy cạnh tranh về chất lượng”, Tập tuyển công trình *Hội thảo về biện pháp để nâng cao chất lượng giáo dục đại học*, TP.HCM, 11/2004, tr. 175-184.
11. Nguyễn Thiện Tổng, “Góp ý Dự thảo Chiến lược Giáo dục 2009-2020”, TP.HCM, 18/12/2009.
13. <http://www.vnu.edu.vn/ttsk/?C2107/N12037/Ngay-8-12-2011-to-chuc-Hoi-nghi-tong-ket-cong-tac-dao-tao-bang-kep-tai-dHQGHN.htm>.